CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP FPT

Ngày 30/09/2025	93,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-9.9%	**-9.4%**	**-**

DT thuần
Q3/25
17,205
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 580| 3.5%
YoY: ▲ 1,302| 8.2%

LN thuần
Q3/25
3,346
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 217| 6.9%
YoY: ▲ 398| 13.5%

LN sau thuế
Q3/25
2,902
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 162| 5.9%
YoY: ▲ 423| 17.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
21.0%
YoY: +/-▲ 0.8%

ROE (TTM)
Q3/25
22.9%
YoY: +/-▼ 0.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	90,616 - 133,036
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	158,426
Số lượng CPLH (CP)	1,703,507,121
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,209,588
Sở hữu nước ngoài	37.9%
Beta	0.91
EPS	5,256
P/E	17.7

DT thuần
9T 2025
49,887
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 4,646| 10.3%

LN thuần
9T 2025
9,470
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,366| 16.8%

LN sau thuế
9T 2025
8,237
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,310| 18.9%

Cơ cấu sở hữu

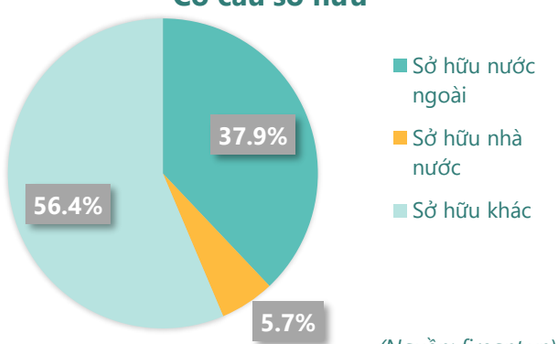

(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá

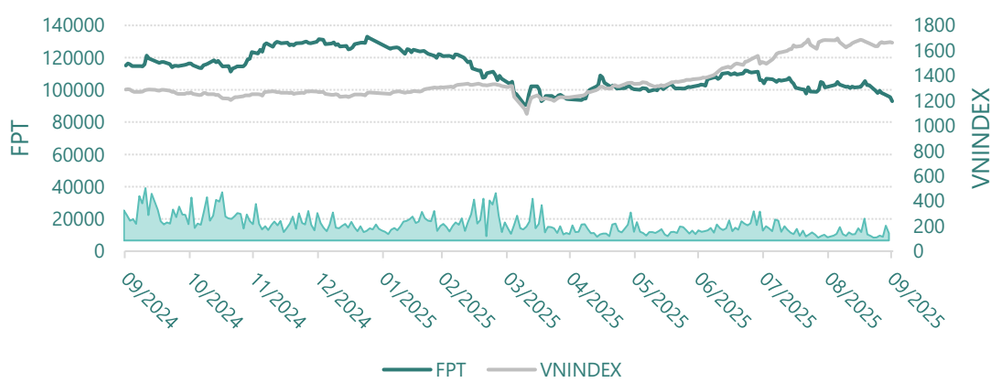

Cơ cấu cổ đông

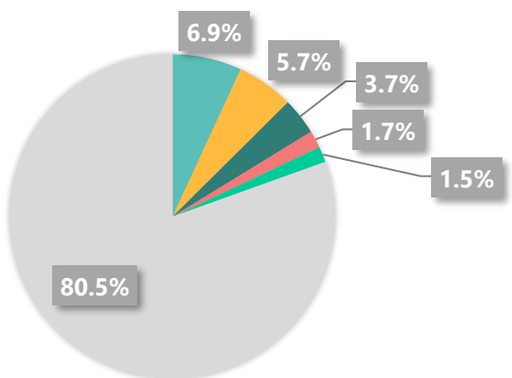

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH

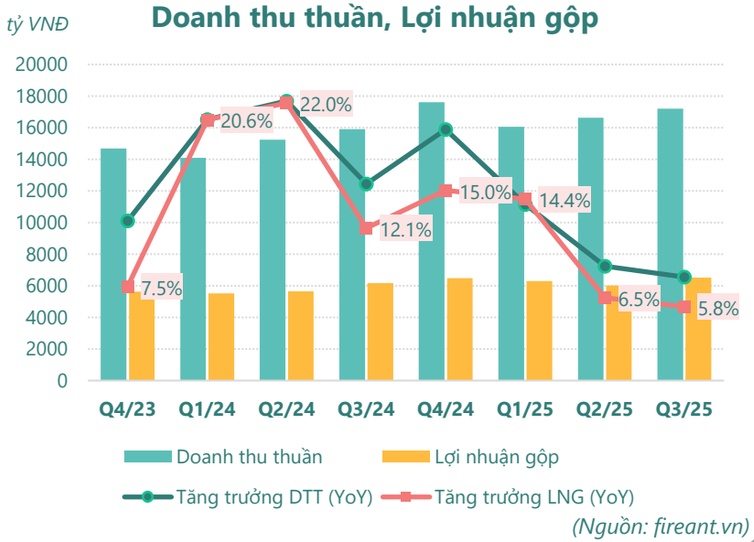

(Nguồn: fireant.vn)

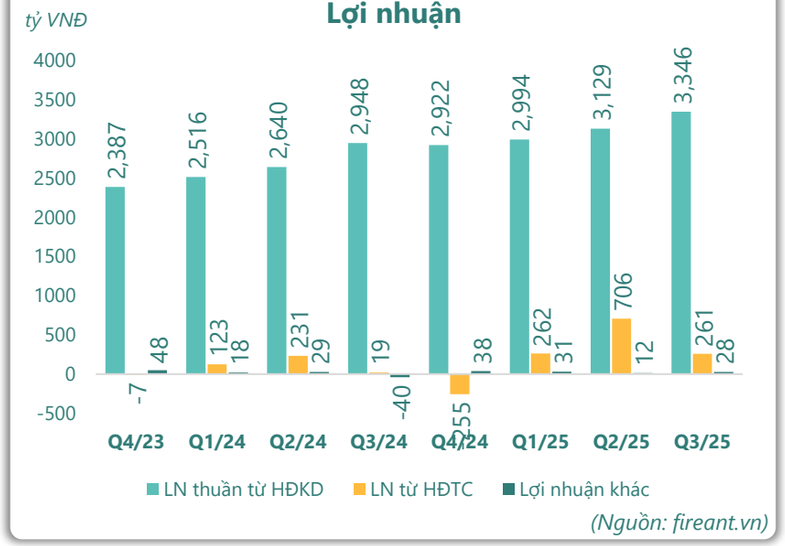

(Nguồn: fireant.vn)

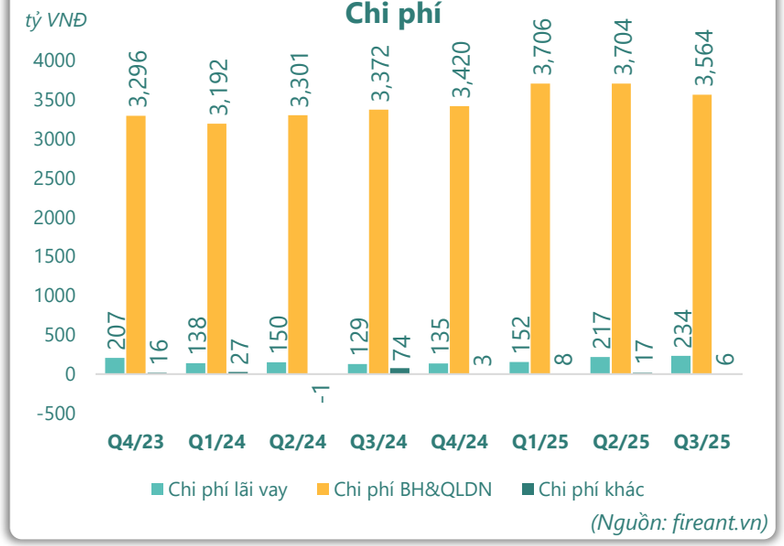

(Nguồn: fireant.vn)

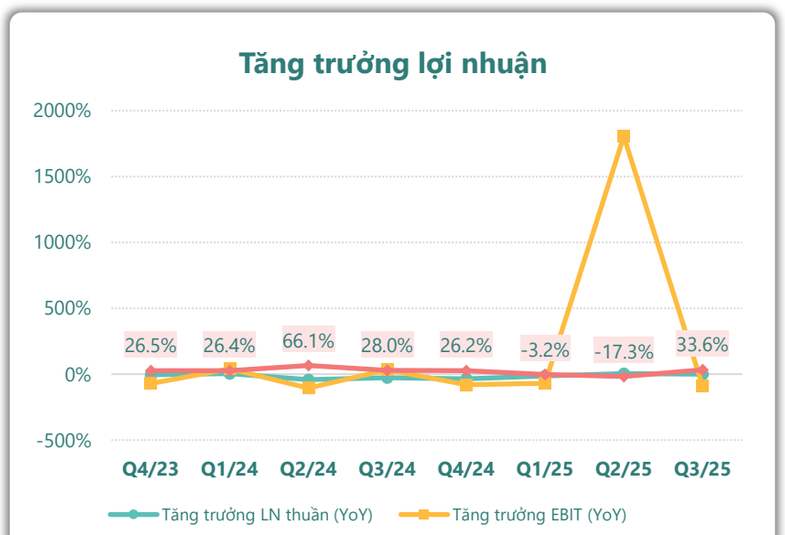

(Nguồn: fireant.vn)

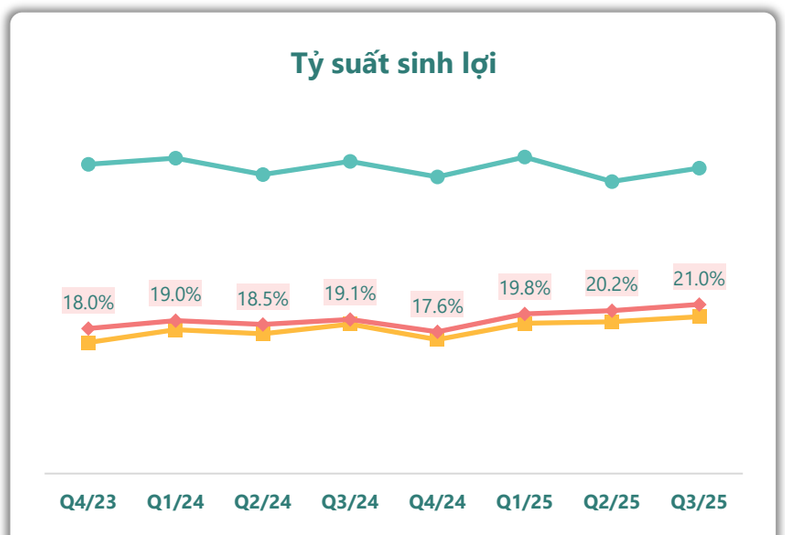

(Nguồn: fireant.vn)

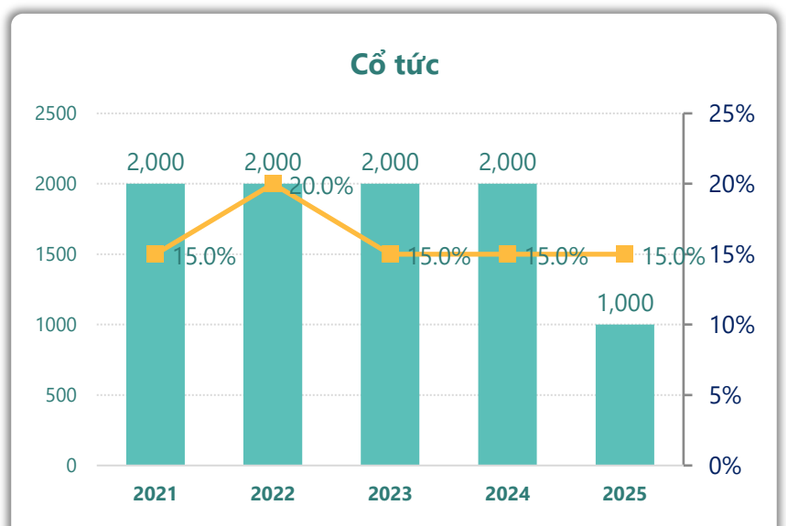

(Nguồn: fireant.vn)

TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

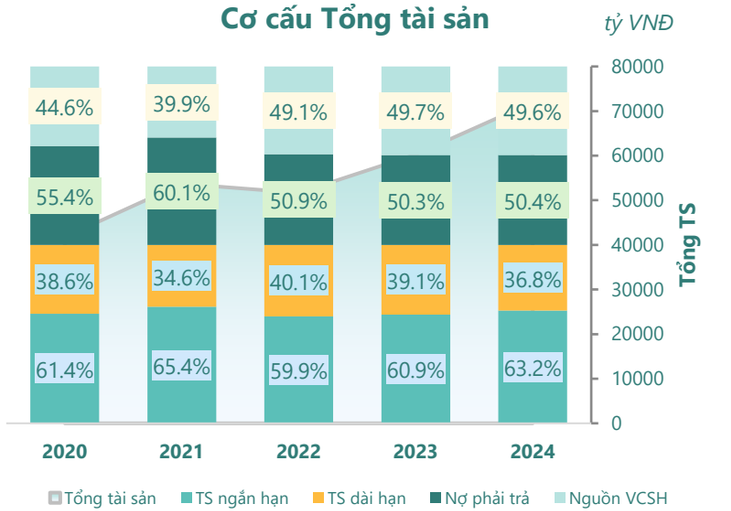

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

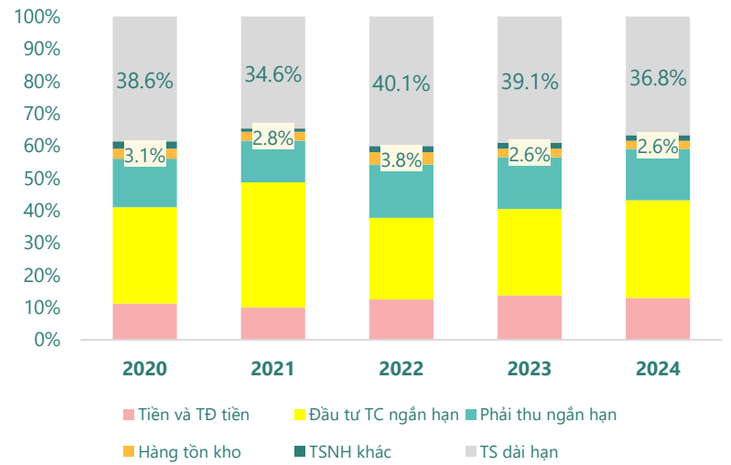

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

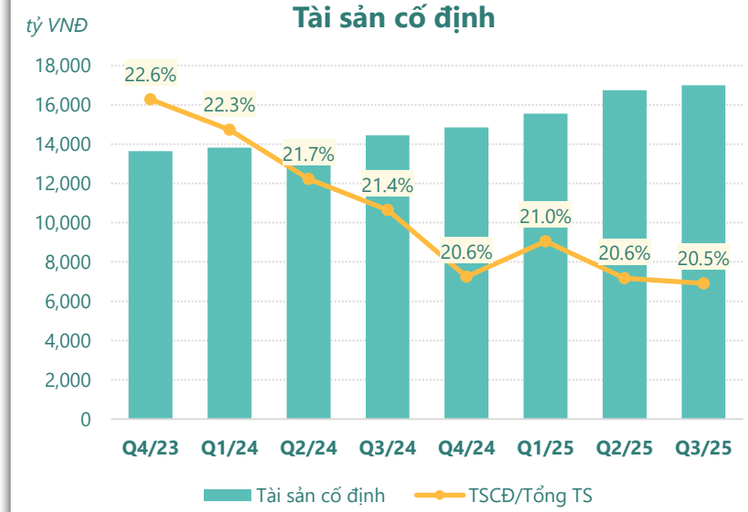

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

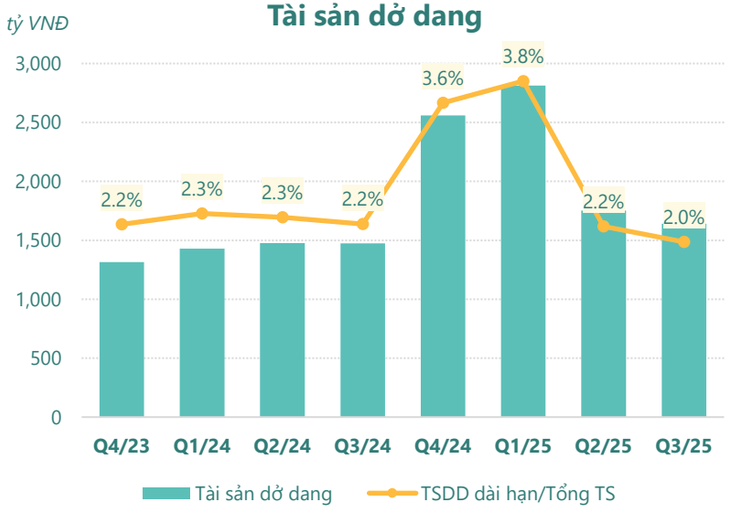

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

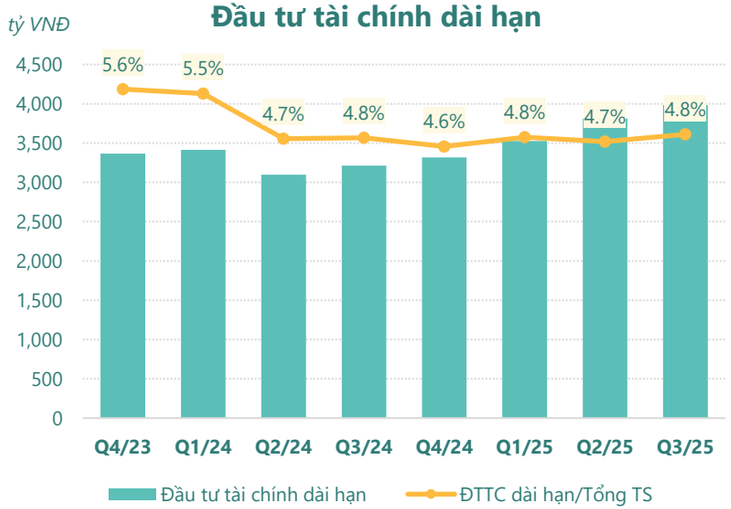

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

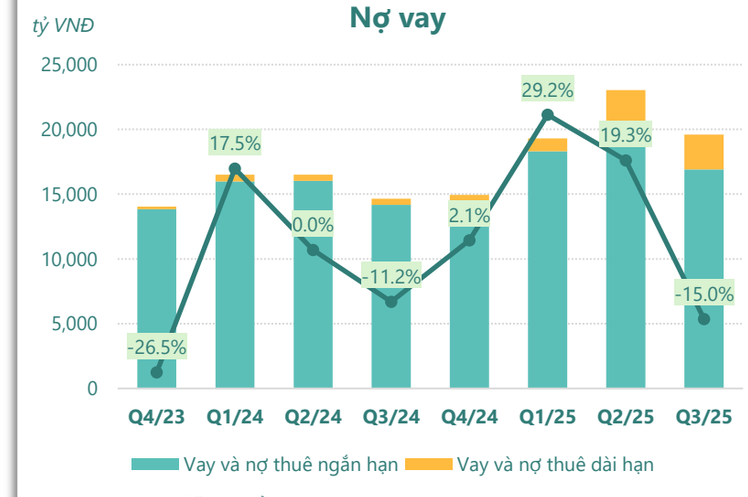

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH

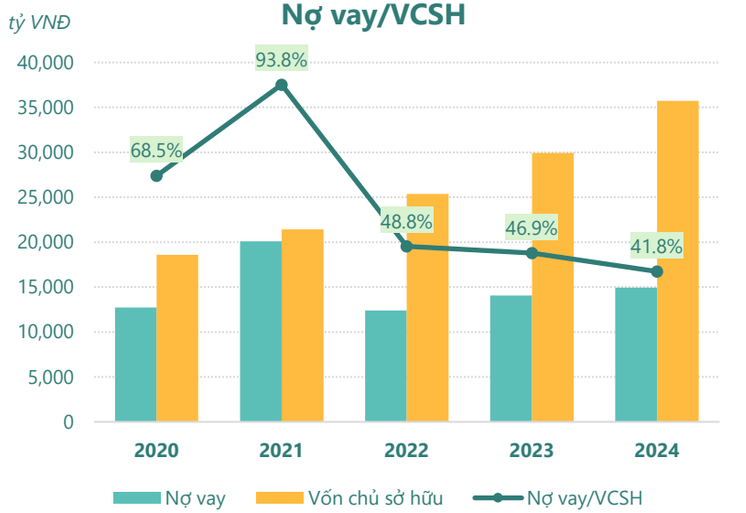

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

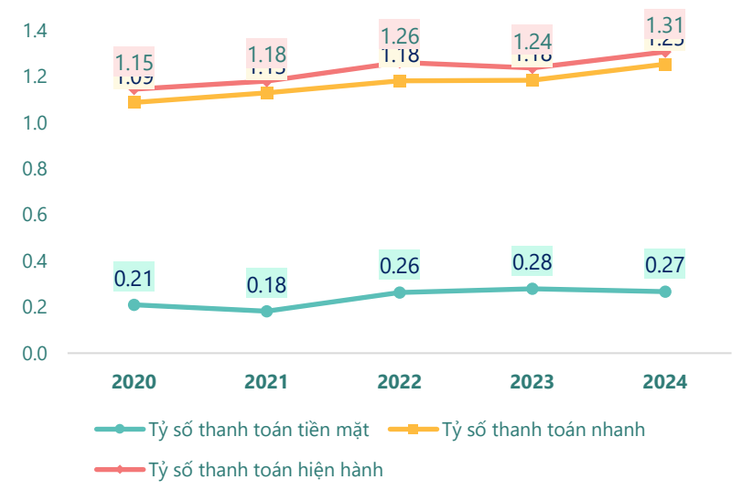

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

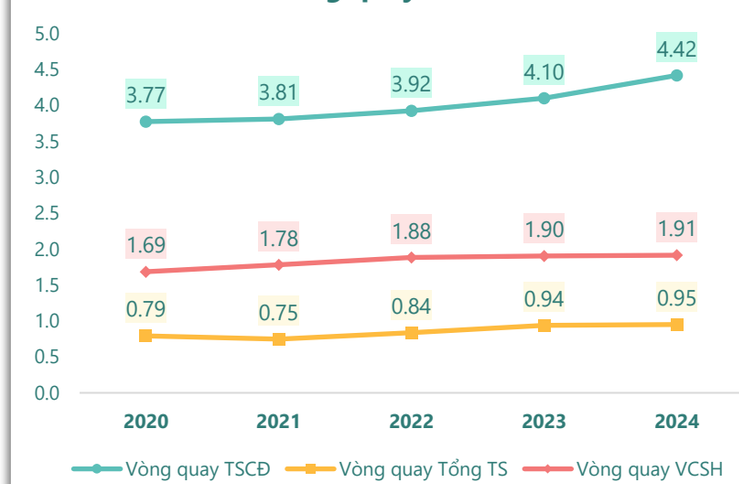

(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

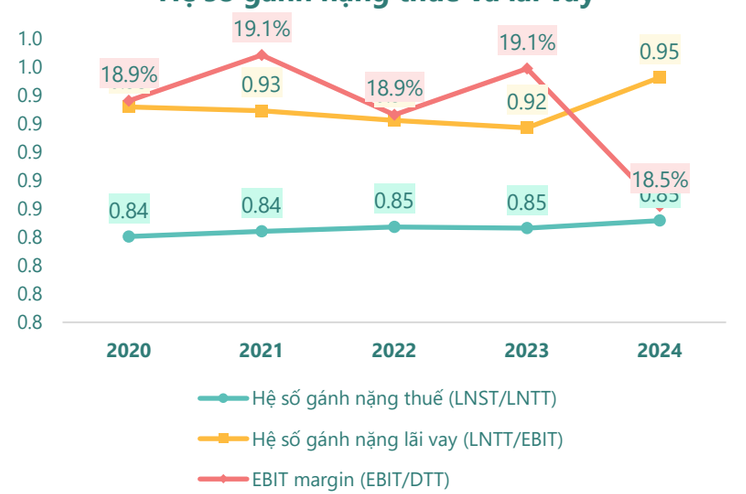

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE

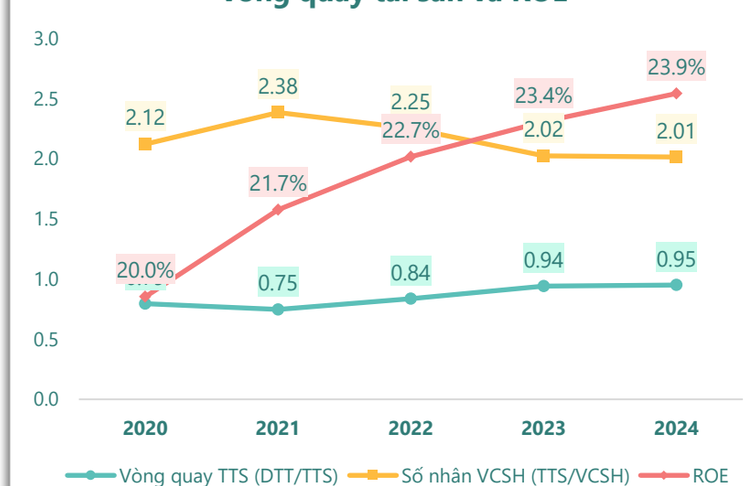

(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn

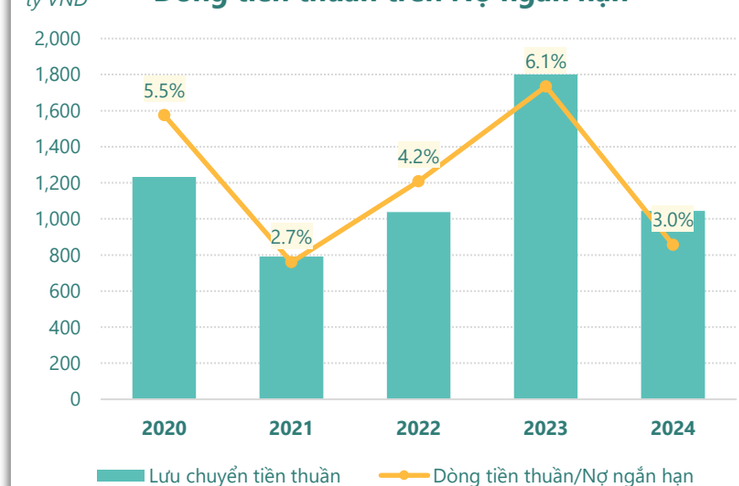

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**17,205**	**15,903**	**8.2%**	**49,887**	**45,241**	**10.3%**
Giá vốn hàng bán	10,686	9,744	9.7%	31,046	27,920	11.2%
Lợi nhuận gộp	6,519	6,159	5.8%	18,841	17,321	8.8%
Doanh thu HĐTC	613	327	87.5%	2,423	1,353	79.1%
Chi phí TC	353	308	14.5%	1,195	980	21.9%
Chi phí lãi vay	234	129	81.1%	603	417	44.6%
LN trong công ty LKLD	**131**	**143**	**-8.5%**	**374**	**276**	**35.8%**
Chi phí bán hàng	1,917	1,564	22.5%	5,536	4,521	22.4%
Chi phí QLDN	**1,647**	**1,808**	**-8.9%**	**5,438**	**5,344**	**1.8%**
LN thuần từ HĐKD	3,346	2,948	13.5%	9,470	8,104	16.8%
Lợi nhuận khác	**28.4**	**-39.6**	**172%**	**70.8**	**6.97**	**917%**
LN trước thuế	3,375	2,909	16.0%	9,540	8,111	17.6%
Lợi nhuận sau thuế	**2,902**	**2,479**	**17.0%**	**8,237**	**6,927**	**18.9%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2,435**	**2,089**	**16.6%**	**6,867**	**5,762**	**19.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3,729	3,236	6,382	-2,507	4,190	4,344
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2,019	-127	-4,089	-4,397	-2,837	-1,097
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1,214	-1,972	-981	4,273	1,982	-3,402
Tiền đầu kỳ	6,341	6,836	7,936	9,315	6,756	10,020
Lưu chuyển tiền thuần	**496**	**1,136**	**1,312**	**-2,631**	**3,336**	**-156**
Ảnh hưởng tỷ giá	-1.33	-36.9	67.8	71.5	-71.7	-10.5
Tiền cuối kỳ	6,836	7,936	9,315	6,756	10,020	9,854

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**82,738**	**72,000**	**14.9%**
Tài sản ngắn hạn	53,633	45,536	17.8%
Tiền và tương đương tiền	9,854	9,315	5.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	27,126	21,785	24.5%
Phải thu ngắn hạn	13,077	11,382	14.9%
Hàng tồn kho	2,050	1,857	10.4%
Tài sản ngắn hạn khác	1,527	1,197	27.5%
Tài sản dài hạn	**29,105**	**26,464**	**10.0%**
Phải thu dài hạn	577	332	74.0%
Tài sản cố định	16,991	14,816	14.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,639	2,560	-36.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	3,983	3,318	20.0%
Tài sản dài hạn khác	**4,739**	**4,341**	**9.2%**
Lợi thế thương mại	1,176	1,097	7.2%
Nợ phải trả	39,908	36,272	10.0%
Nợ ngắn hạn	**36,286**	**34,836**	**4.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	16,906	14,446	17.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	2,988	4,424	-32.5%
Nợ dài hạn	3,622	1,436	152%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,681	501	435%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**42,831**	**35,728**	**19.9%**
Vốn chủ sở hữu	**42,828**	**35,725**	**19.9%**
Vốn điều lệ	17,035	14,711	15.8%
Kinh phí và quỹ khác	**2.75**	**2.75**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)